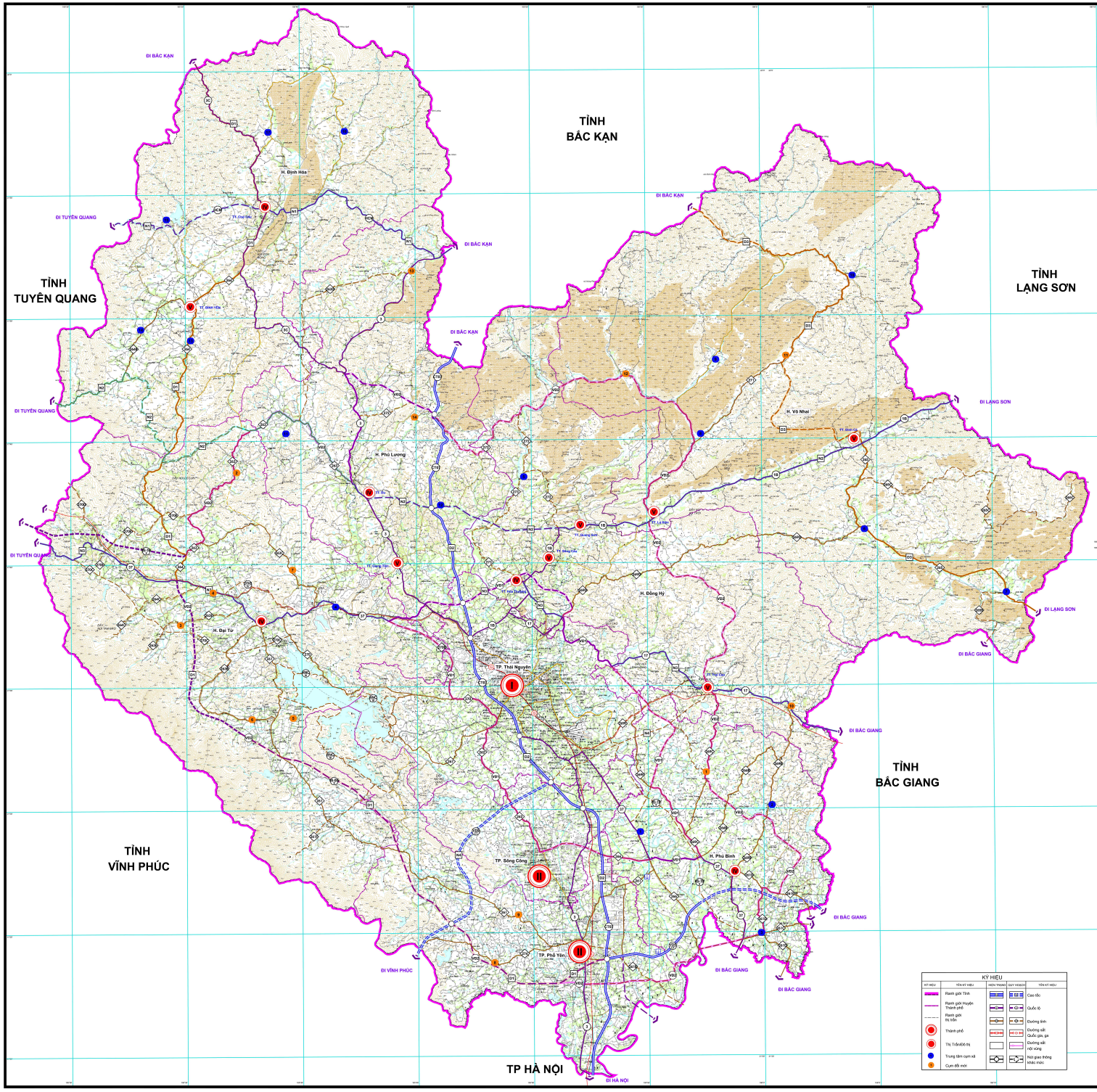

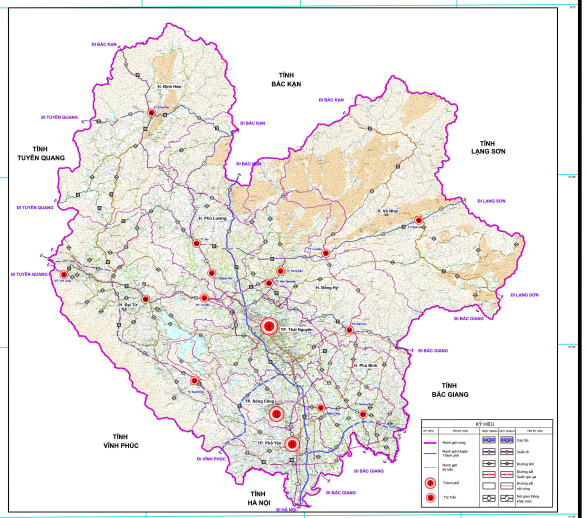

SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN NĂM 2025

CÁC CỤM ĐỒI MỚI	
TT	*Tên cụm đồi mới*
I	**Huyện Phú Bình**
1	Tân Khánh
II	**Huyện Đại Từ**
2	Đức Lương
3	La Bằng
4	Bản Ngoại
5	Vạn Thọ
6	Văn Yên
7	Tân Linh
III	**Phổ Yên**
8	Thành Công
9	Minh Đức
III	**Huyện Đồng Hỷ**
10	Hợp Tiến
IV	**Huyện Võ Nhai**
11	Vũ Chấn
12	Thần sa
V	**Huyện Phú Lương**
13	Yên Ninh
14	Yên Lạc

HỆ THỐNG CÁC ĐÔ THỊ TRUNG TÂM					
TT	Các đô thị	Loại đô thị 2020	2025	2030	Cấp QLĐT và chức năng đô thị
1	**Thành phố Thái Nguyên**	I	I	I	**-Thành phố thuộc tỉnh - Tỉnh lỵ.**
2	**Thành phố Sông Công**	III	II	II	**-Thành phố thuộc tỉnh - Đô thị công nghiệp**
3	**Thành phố Phổ Yên**	III	II	II	**-Thành phố thuộc tỉnh - Đô thị công nghiệp**
4	**Thị xã Đại Từ**			IV	**-Thị xã thuộc tỉnh tương lai**
4.1	Thị trấn Hùng Sơn	IV	IV		*-Huyện lỵ*
4.2	Thị trấn Quân Chu	V	V		-Thị trấn chuyên ngành
4.3	Đô thị Yên Lãng	-	V (ĐTMI)		-Đô thị mới
4.4	Đô thị Cù Vân	-	V (ĐTMI)		-Đô thị mới
5	**Thị xã Phủ Bình**			IV	**-Thị xã thuộc tỉnh tương lai**
5.1	Thị trấn Hương Sơn	V	V		*-Huyện lỵ*
5.2	Thị trấn Điềm Thụy	-	V (ĐTMI)		-Thị trấn công nghiệp
6	**Huyện Đồng Hỷ**				**-Huyện**
6.1	Thị trấn Trại Cau	V	V	V	-Thị trấn công nghiệp
6.2	Thị trấn Sông Cầu	V	V	V	-Thị trấn công nghiệp
6.3	Thị trấn Hóa Thượng	V	IV	IV	*-Huyện lỵ*
6.4	Thị trấn Quang Sơn	-	-	V (ĐTMI)	-Thị trấn chuyên ngành
7	**Huyện Phú Lương**				**-Huyện**
7.1	Thị trấn Đu	V	IV	IV	*-Huyện lỵ*
7.2	Thị trấn Giang Tiên	V	V	V	-Thị trấn chuyên ngành
8	**Huyện Võ Nhai**				**-Huyện**
8.1	Thị trấn Đình Cả	V	V	V	*-Huyện lỵ*
8.2	Thị trấn La Hiên	-	V (ĐTMI)	V	-Thị trấn chuyên ngành
9	**Huyện Định Hóa**				**-Huyện**
9.1	Thị trấn Chợ Chu	V	IV (MR)	IV	*-Huyện lỵ*
9.2	Thị trấn Bình Yên	-	-	V (ĐTMI)	-Đô thị chuyên ngành
	Tổng cộng	**13**	**17**	**15**	

KÝ HIỆU					
KÝ HIỆU	TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU	
	Ranh giới Tỉnh			Cao tốc	
	Ranh giới Huyện Thành phố			Quốc lộ	
	Ranh giới đô thị			Đường tỉnh	
	Thành phố			Đường sắt	
	Thị Trấn/đô thị			Quốc gia, ga	
	Trung tâm cụm xã			Đường sắt nội vùng	
	Cụm đồi mới			Nút giao thông khác mức	

CÁC TRUNG TÂM CỤM XÃ				
TT	*Tên TTCX*	*Đất xây dựng (ha)* 2025	2035	*Tính chất*
I	**Huyện Phú Bình**	**75**	**110**	
1	Thương Đình	25	30	Kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và nông lâm nghiệp
2	Tân Thành	30	60	Kinh tế nông lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp du lịch
3	Thanh Ninh	20	30	Kinh tế nông lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ
II	**Huyện Đại Từ**	**55**	**85**	
4	Hà Thượng	30	45	TTCN, TMDV gắn với khai thác mỏ, kinh tế nông lâm nghiệp
III	**Huyện Đồng Hỷ**	**15**	**25**	
5	Hóa Bình	15	25	Phát triển kinh tế nông lâm
IV	**Huyện Võ Nhai**	**100**	**160**	
6	Tràng Xá	20	30	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
7	Bình Long	20	30	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
8	Cúc Đường	20	40	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
9	Thượng Nung	20	30	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
10	Nghinh Tường	20	30	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
V	**Huyện Phú Lương**	**40**	**60**	
11	Hợp Thành	20	30	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
12	Tức Tranh	20	30	Phát triển KT lưu thông, kinh tế nông nghiệp
VI	**Huyện Định Hóa**	**80**	**130**	
13	Sơn Phú	20	30	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
14	Điềm Mặc	15	25	Phát triển KT lưu thông, nông nghiệp, du lịch
15	Bảo Linh	15	25	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
16	Lam Vỹ	15	25	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
17	Gọi Kỳ	15	25	Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp
	Tổng cộng	**340**	**530**	

Dân số				
TT	Các đô thị	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Cấp QLĐT và chức năng đô thị
1	**TP Thái Nguyên**	**319.082**	**348.064**	**-TP thuộc tỉnh - Tỉnh lỵ**
2	**TP Sông Công**	**85.844**	**90.704**	**-TP thuộc tỉnh - Đô thị công nghiệp**
3	**TP Phổ Yên**	**169.500**	**177.114**	**-Thành phố thuộc tỉnh - Đô thị công nghiệp**
4	***Huyện Đại Từ***	***48.845***	***123.032***	***-Thị xã thuộc tỉnh tương lai***
4.1	Thị trấn Hùng Sơn	18.926		-Huyện lỵ
4.2	Thị trấn Quân Chu	10.290		-Thị trấn chuyên ngành
4.3	Đô thị Yên Lãng	12.363		-Đô thị chuyên ngành
4.4	Đô thị Cù Vân	7.266		-Đô thị chuyên ngành
5	***Huyện Phủ Bình***	***21.144***	***133.372***	***-Thị xã thuộc tỉnh tương lai***
5.1	Thị trấn Hương Sơn	10.356		-Huyện lỵ
5.2	Đô thị Điềm Thụy	10.788		-Đô thị chuyên ngành
6	***Huyện Đồng Hỷ***	***20.643***	***25.913***	***-Huyện***
6.1	Thị trấn Trại Cau	4.268	4.717	-Đô thị chuyên ngành
6.2	Thị trấn Sông Cầu	4.111	4.412	-Đô thị chuyên ngành
6.3	Thị trấn Hóa Thượng	12.134	13.004	-Huyện lỵ
6.4	Đô thị Quang Sơn		3.772	-Đô thị chuyên ngành
7	***Huyện Phú Lương***	***12.371***	***14.458***	***-Huyện***
7.1	Thị trấn Đu	8.106	9.851	-Huyện lỵ
7.2	Thị trấn Giang Tiên	4.265	4.607	-Thị trấn chuyên ngành
8	***Huyện Võ Nhai***	***12.941***	***14.022***	***-Huyện***
8.1	Thị trấn Đình Cả	4.152	4.497	-Huyện lỵ
8.2	Đô thị La Hiên	8.789	9.525	-Thị trấn chuyên ngành
9	***Huyện Định Hóa***	***7.098***	***12.063***	***-Huyện***
9.1	Thị trấn Chợ Chu	7.098	9.514	-Huyện lỵ
9.2	Đô thị Bình Yên	-	3.549	-Đô thị chuyên ngành
Tổng cộng		**679.474**	**930.346**	

GHI CHÚ:

1. Bản đồ được thành lập tiêu VN2000 theo múi 3° kinh tuyến trục 105°00' theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ sở dữ liệu nền địa lý được lấy từ bản đồ tỉnh Thái Nguyên tỷ lệ 1/25.000 theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Bản đồ tổng hợp quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.
2. Số liệu diện tích, dân số theo Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2020 và Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.
3. Nội dung quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn chỉ đến hướng phát triển và định hướng đất đai theo quy hoạch sử dụng đất đã được chuyển ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn có liên quan.

QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN ĐỒ

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

MÃ SỐ: QH-1 | SHEET: 04 A0 | TỶ LỆ: 1/50.000 | VT: 982903

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI NGUYÊN

NHÀ THẦU TƯ VẤN: LIÊN DANH TƯ VẤN GITAD

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẠI Á ĐÔNG

Tổng giám đốc

Nguyễn Đăng Trần

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC DP VIỆT NAM

Giám đốc

Tan Jiann Wuei

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

Viện trưởng

Nguyễn Văn Bộ

VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP

Viện trưởng

Nguyễn Quang Dũng